

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Du lịch, mã số ngành: 9810101

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Du lịch ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng Khoa Du lịch học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: DU LỊCH
MÃ SỐ : 9810101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2869/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Du lịch

+ Tên tiếng Anh: Tourism

- Mã số ngành đào tạo: 9810101

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tiến sĩ

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Du lịch

+ Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Tourism

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Trang bị những tri thức, cách tiếp cận lí thuyết, các công cụ nghiên cứu tiên tiến và chuyên sâu nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có trí thức hiện đại, gắn liền với thực tiễn ngành du lịch, có năng lực cạnh tranh dẫn dắt trong bối cảnh hội nhập đáp ứng nhu cầu giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ và thực tiễn xã hội hiện nay và trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Trang bị cho người học những tri thức, cách tiếp cận lí thuyết và công cụ nghiên cứu về các vấn đề văn hóa du lịch, địa lí du lịch, kinh tế du lịch, lễ hành và khách sạn ở Việt Nam và trên thế giới để đào tạo người học trở thành các nhà quản lí, tư vấn du lịch chuyên nghiệp có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và thực hành các vấn đề liên quan đến du lịch học.

- Có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới về du lịch; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, nghiên cứu về du lịch.

- Thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn du lịch, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, xếp loại tốt nghiệp

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp 1, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành/ chuyên ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành Du lịch. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại giỏi trở lên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có);

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo

khoa học đăng tại kỳ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực

ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ công tác xã hội bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành thuộc nhóm ngành: Du lịch, Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông;

+ Ngành : Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	4
2	Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch	3
3	Quản lý điểm đến du lịch	3
Tổng cộng		10

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 5-10 NCS/ 1 năm).
- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực du lịch với việc phát hiện và giải quyết các vấn đề mới, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ.

- Luận án cần tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ. Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo và chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục, nội dung và ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án trình bày những nội dung cơ bản, nội dung mới và đóng góp quan trọng nhất, có khối lượng từ 300 đến 500 chữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Nâng cao năng lực nghiên cứu; cập nhật kiến thức mới liên quan tới đề tài nghiên cứu; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình thực hiện nghiên cứu; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra những đề xuất với tư cách chuyên gia đầu ngành dựa trên luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn, có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lí các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

- Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1: Phân tích các vấn đề theo thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

PLO 2: Xác định các kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của lĩnh vực du lịch;

PLO 3: Đánh giá những kiến thức cốt lõi, nền tảng trong lĩnh vực du lịch như: Những vấn đề địa lý, văn hóa, kinh tế, kinh doanh du lịch và các vấn đề du lịch đương đại khác.

PLO 4: Đề xuất các phương pháp nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, kiến thức về quản trị tổ chức vào thực tế trong lĩnh vực du lịch để triển khai các công trình nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 5: Có khả năng làm chủ lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển du lịch; Có kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực du lịch, bao gồm các kỹ thuật quan sát tham gia, phỏng vấn sâu, phỏng vấn bán cấu trúc, điều tra bằng bảng hỏi, đánh giá nhanh, thảo luận nhóm...

PLO 6: Có khả năng tổng hợp, đánh giá và bổ sung tri thức chuyên môn về du lịch; Có kỹ năng tư duy phản biện khoa học về các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến chuyên môn du lịch.

PLO 7: Có khả năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và thực tiễn để đưa ra những giải pháp một cách khả thi và sáng tạo; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề trong thực tiễn.

PLO 8: Tham gia thảo luận trong nước, quốc tế và công bố các kết quả nghiên cứu một cách chặt chẽ, khoa học; có khả năng tham gia, tác nghiệp, tư vấn, tham mưu tích cực, hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực du lịch.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 9: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong du lịch. Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau về du lịch.

PLO 10: Thích ứng với mọi hoàn cảnh công việc, tự định hướng và có khả năng dẫn dắt người khác; có khả năng đưa ra quyết định mang tính chuyên gia về lĩnh vực du lịch.

PLO 11: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới về du lịch.

PLO 12: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia về các vấn đề du lịch.

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch ở các cấp từ trung ương đến địa phương; Nghiên cứu viên hoặc chuyên gia trong các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu về du lịch; Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học và cao đẳng có giảng dạy về du lịch; Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, các trung tâm, dự án phát triển; Làm việc trong các đơn vị, tổ chức kinh doanh có liên quan tới du lịch...

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học có thể nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu tại các vị trí nghiên cứu sau tiến sỹ hoặc thực hiện các dự án nghiên cứu về du lịch và các lĩnh vực liên quan.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	100 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	09 tín chỉ
+ Tự chọn:	03 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: 08 tín chỉ	
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	80 tín chỉ

b) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	135 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	35 tín chỉ
+ Bắt buộc:	20 tín chỉ

- + Tự chọn: 15 tín chỉ/ 30 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ: **12** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 09 tín chỉ
 - + Tự chọn: 03 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **08** tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ
 - + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		9				
1	TOU8001	Những vấn đề du lịch đương đại <i>The Contemporary Issues of Tourism</i>	3	30	30	90	
2	TOU8002	Phương pháp luận nghiên cứu du lịch nâng cao <i>Advanced Research Methods for Tourism Studies</i>	3	30	30	90	
3	TOU8003	Đạo đức trong du lịch <i>Ethics in Tourism</i>	3	30	30	90	
I.2	Các học phần tự chọn		3/12				
4	TOU8004	Những vấn đề địa lí du lịch <i>The Issues of Tourism Geography</i>	3	30	30	90	
5	TOU8005	Những vấn đề văn hóa du lịch <i>The Issues of Tourism Culture</i>	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
6	TOU8006	Những vấn đề kinh tế du lịch <i>The Issues of Tourism Economics</i>	3	30	30	90	
7	TOU8007	Những vấn đề kinh doanh du lịch <i>The Issues of Tourism Business</i>	3	30	30	90	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
8	TOU8009	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	30	70	
9	TOU8010	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	30	70	
10	TOU8011	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	30	70	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
11	TOU8008	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	10	20	70	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
IV	Luận án		80				
12	TOU9002	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			100				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	HỌC PHẦN BỔ SUNG		35				
I.1	Các học phần bắt buộc		20				
1	PHI5002	Triết học	4	55	10	135	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
2	TOU6202	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch <i>Tourism research methods</i>	4	45	30	125	
3	TOU6222	Quản lý Nhà nước về du lịch <i>State Management for Tourism</i>	3	30	30	90	
4	TOU6104	Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch <i>Development Strategy for Tourism Companies</i>	3	30	30	90	
5	TOU6005	Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch <i>Cultural issues in Tourism management and business</i>	3	30	30	90	
6	TOU6030	Quản lý điểm đến du lịch <i>Tourism Destination Marketing</i>	3	30	30	90	
II.2	Các học phần tự chọn		15/30				
7	TOU6007	Phát triển du lịch bền vững <i>Sustainable Tourism</i>	3	30	30	90	
8	TOU6031	Quản trị nguồn nhân lực du lịch <i>Human Resource Management</i>	3	30	30	90	
9	TOU6103	Thống kê ứng dụng trong du lịch <i>Applied Statistics in Tourism</i>	3	30	30	90	
10	TOU6032	Quản lý lữ hành <i>Travel Management</i>	3	30	30	90	
11	TOU6218	Quản lý khách sạn hiện đại <i>Modern Hospitality Management</i>	3	30	30	90	
12	TOU6021	Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch <i>Tourism Festival and Event Management</i>	3	30	30	90	
13	TOU6111	Di sản văn hóa trong du lịch <i>Cultural Heritage in Tourism</i>	3	30	30	90	
14	TOU6114	Đánh giá tài nguyên du lịch <i>Evaluation Methods of Tourism Resources</i>	3	30	30	90	
15	TOU6020	Quy hoạch du lịch <i>Tourism Planning</i>	3	30	30	90	
16	TOU6223	Tư vấn du lịch <i>Tourism Consultancy</i>	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II	Các học phần tiên sĩ		12				
II.1	Các học phần bắt buộc		9				
17	TOU8001	Những vấn đề du lịch đương đại <i>The Contemporary Issues of Tourism</i>	3	30	30	90	
18	TOU8002	Phương pháp luận nghiên cứu du lịch nâng cao <i>Advanced Research Methods for Tourism Studies</i>	3	30	30	90	
19	TOU8003	Đạo đức trong du lịch <i>Ethics in Tourism</i>	3	30	30	90	
II.2	Các học phần tự chọn		3/12				
20	TOU8004	Những vấn đề địa lí du lịch <i>The Issues of Tourism Geography</i>	3	30	30	90	
21	TOU8005	Những vấn đề văn hóa du lịch <i>The Issues of Tourism Culture</i>	3	30	30	90	
22	TOU8006	Những vấn đề kinh tế du lịch <i>The Issues of Tourism Economics</i>	3	30	30	90	
23	TOU8007	Những vấn đề kinh doanh du lịch <i>The Issues of Tourism Business</i>	3	30	30	90	
III	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiên sĩ		6				
24	TOU8009	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	30	70	
25	TOU8010	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	30	70	
26	TOU8011	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	30	70	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
27	TOU8008	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	10	20	70	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức. Tham gia trợ giảng bậc đại học, thạc sĩ; hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức							
V	Luận án		80				
28	TOU9002	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			135				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá